

TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐẾN VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN MỚI TỐT NGHIỆP

NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

Khoa Xã hội học, ĐHTH Hà Nội

Hiện nay cả nước ta có 104 trường đại học và cao đẳng với khoảng 160 nghìn sinh viên Hàng năm, có từ 6 nghìn đến 10 nghìn sinh viên tốt nghiệp. Với con số này, so với các nước trong khu vực và trên thế giới, tỷ lệ sinh viên trong dân cư ở nước ta còn rất thấp. Thí dụ Thái Lan cứ 100 nghìn dân có 2140 sinh viên, Philippin có 2612 sinh viên, trong khi đó ở VN Nam chỉ có 260 sinh viên.

Qua khảo sát, theo dõi và nghiên cứu nhiều năm, chúng ta thấy rằng:

Vào những năm sống trong thời kỳ đất nước chưa đổi mới (thời kỳ bao cấp), hầu như từ 80% sinh viên tốt nghiệp ra được Nhà nước phân công công tác, một số rất ít tự đi tìm việc làm. Vậy trên 90% sinh viên ra trường có việc làm. Trong hoàn cảnh đó nhiều thanh niên trúng tuyển vào đại học đã tỏ ra chăm chỉ học tập, lo tu dưỡng phấn đấu để trở thành trò tốt, đoàn viên tốt...

Kể từ đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay (sau 1985) đất nước ta đổi mới chuyên từ nền kinh tế kế hoạch hóa theo cơ chế bao cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường theo hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước.

Công cuộc đổi mới đất nước phù hợp với xu thế của thời đại và đúng với quy luật phát triển xã hội. Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, nền sản xuất hàng hóa là đỉnh cao của nền văn minh nhân loại đã đạt được. Phát triển kinh tế hàng hóa là xu hướng tất yếu của lịch sử. Nền kinh tế này phát triển luôn gắn liền với trình độ xã hội hóa ngày càng cao. Sản xuất hàng hóa bao giờ cũng hoạt động trong cơ chế thị trường và chịu sự chi phối, điều tiết của quy luật giá trị, quy luật cung cầu. Cơ chế thị trường lại làm nảy sinh và phát triển nhiều loại thị trường như: thị trường lưu thông hàng hóa, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường kỹ thuật - thông tin, và thị trường lao động. Quy luật của nền kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến sự phân công lao động hội ngày càng đa dạng, phong phú và phức tạp. Sức lao động nói chung, sức lao động bằng ch xám cũng trở thành "hàng hóa".

Nền kinh tế hàng hóa khi khoa học kỹ thuật phát triển sẽ đòi hỏi sức lao động có chất lượng cao, tức là đòi hỏi người lao động có trình độ tri thức cao, tay nghề giỏi. Nếu là tri thức lại cần phải biết ngoại ngữ, tin học, sử dụng máy vi tính. Thí dụ ở các nước phát triển lực lượng công nghiệp có từ 70 đến 73% người lao động có trình độ đại học trở lên, trong đó trên đại học chiếm 15 - 20%.

Nước ta là một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu, từ nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên CNXH không đi qua giai đoạn phát triển CNTB. Chúng ta chưa trải qua nền sản xuất hàng hóa trình độ xã hội hóa rất thấp, quan hệ thị trường chưa phát triển nên chưa có sự tác động của quy luật thị trường một cách gay gắt. Đất nước ta đã trải qua gần 10 năm đổi mới, quy luật thị trường

đầu tác động đến đời sống của người dân, trong đó đã và đang tác động đến thị trường lao g, đến công ăn việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp khá rõ rệt. Khi phân tích thị trường lao g ở Việt Nam nhất thiết phải nghiên cứu và xem xét quan hệ cung - cầu về lao động. Giải ết việc làm hoặc giảm tỷ lệ thất nghiệp về thực chất là giải quyết mối quan hệ giữa cung và sức lao động trên thị trường lao động.

Nghiên cứu kỹ chúng ta thấy thị trường lao động ở Việt Nam đang được hình thành và ngày g phát triển cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền sản xuất hàng hóa, với sự tham gia của ều thành phần kinh tế.

Hiện nay, ở khắp các địa phương, nhất là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đã xuất hiện rng chợ lao động. Nơi đây người lao động tìm kiếm công ăn việc làm (chủ yếu để bán sức lao ng cơ bắp). Rõ ràng quan hệ lao động ở nước ta đã có sự thay đổi, việc thuê mướn nhân công đi làm thuê đã công khai hóa và được xã hội thừa nhận, ủng hộ.

Riêng với lao động trí óc, có hai hiện tượng ta cần suy xét. Thứ nhất, hiện tượng "chất xám" ng có xu hướng chạy ra ngoài khu vực Nhà nước dưới nhiều dạng: làm thuê cho nước ngoài ở ng và ngoài nước, ký kết các hợp đồng nghiên cứu, bán các bằng sáng chế, phát minh (thực ất là bán sức lao động).

Theo báo cáo của các sứ quán, số sinh viên do ta gửi đi các nước ở Đông Âu và Liên Xô rớt đây, sau khi tốt nghiệp cũng ở lại tới 50% để lao động kiếm sống (xem bảng 2).

Thứ hai: Thừa giả tạo lực lượng lao động trí óc trẻ tuổi, quá đông trong khi tỷ lệ lao động ớc trong lực lượng lao động còn thấp, tuy vậy nhiều vùng của đất nước vẫn còn thiếu các thầy áo, bác sĩ, các kỹ sư nông lâm (nhất là vùng núi, hải đảo, biên cương...).

Theo thống kê khảo sát, nghiên cứu của bộ Đại học, đào tạo, và của Ủy ban Thanh niên, hiện y hàng năm sinh viên tốt nghiệp ở nước ta chưa có công ăn việc làm ngày càng gia tăng (bảng 1).

Bảng 1

Năm	Tổng số sinh viên tốt nghiệp	Chưa có việc làm	Chiếm tỷ lệ
1988	8183	880	10,7%
1989	9625	1763	18,7%
1990	10368	2100	20,5%
1991	10293	3468	34,0%
1992	10310	4303	41,0%
Tổng cộng	48779	12514	25,0%

Đây chỉ là mới khảo sát ở 55 trường trong số 104 trường đại học và cao đẳng trong cả nước.

Xem xét cụ thể ở từng khu vực và một số tỉnh ta còn thấy:

- Trong 26 trường ở Hà Nội hiện còn 8291 sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm.
- Trong 17 trường ở thành phố Hồ Chí Minh còn 5814 sinh viên chưa có việc làm.
- 2 trường ở Huế còn 830 sinh viên thất nghiệp.
- 3 trường ở Bắc Thái còn 508 sinh viên chưa có việc làm.
- 2 trường ở Đà Nẵng còn 401 sinh viên chưa có việc làm.

Nước ta là một nước nông nghiệp đang ra rất cần kỹ sư nông nghiệp. Song theo báo của Trường đại học Nông nghiệp 1 thì hiện nay còn 53,1% số sinh viên tốt nghiệp d trường mà chưa có việc làm. Con số tốt nghiệp đang tìm việc làm ngày càng gia tăng, th năm 1987 còn 12%, năm 1988 còn 27%, năm 1989 còn 45%, năm 1990 là 50,1%, năm 19 63% và năm 1992 - 75%.

Việc giáo dục toàn diện trong ngành giáo dục đang gặp khó khăn vì thiếu giáo viên dạy n họa, ngoại ngữ. Song theo báo cáo của Trường cao đẳng Nhạc họa vẫn còn có 50,1% sinh viê trường nằm ở nhà, ở Đại học Ngoại ngữ con số tương ứng là 64,3%.

Vùng nông thôn nước ta hiện nay thiếu rất nhiều thầy thuốc, song theo báo cáo của t phố Hồ Chí Minh hiện nay còn 500 bác sĩ chưa có chỗ làm việc, trong đó có từ 180 đến 200 b tự nguyện làm việc ở thành phố, trong các bệnh viện không ăn lương.

Trước đây, các sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài đều về nước và đều có công ăn việc l Song mấy năm gần đây, con số sinh viên quý hiếm này cũng chịu sự tác động của cơ chế trường, tức là cũng rơi vào trạng thái như sinh viên trong nước. Theo báo cáo của các sứ quâ con số sinh viên xin ở lại để lao động và chưa có việc làm cũng gia tăng (bảng 2).

Bảng 2

Nước	Số sinh viên gửi đi học	Số tốt nghiệp đã về nước	Số chưa có việc làm	Tỷ lệ
Liên Xô cũ	2858	1840	475	25,8%
Bungari	301	149	52	31,9%
Tiệp Khắc	522	215	47	21,1%
Đức	408	133	16	12,6%
Hungari	217	54	16	29,6%
Mông Cổ	26	14	2	14,2%

Tình hình trên đây đang phản ánh một vấn đề hết sức bất hợp lý do cơ chế thị trường đ tiết vì những nguyên nhân sau đây:

A - Về mặt khách quan

1. Công việc đổi mới của nước ta đang tạo ra động cơ thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, v hóa, đời sống cho nhân dân, đang làm cho đất nước ta phát triển khá nhanh, mạnh. Song do m chuyển sang cơ chế mới nên còn nhiều lúng túng, đổi mới chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh.

Ngành giáo dục "bung ra" chưa có định hướng rõ rệt. Nhìn chung, các trường có hướng p triển theo động cơ riêng của họ, không hay ít chú ý đến thị trường lao động, nên dù ế nhưng v dao tạo. Thầy và trò được bao bọc trong thế giới riêng của họ. Họ còn tách rời giữa dạy - học v nhu cầu của thị trường. Vì vậy, một yêu cầu lớn nhất về chính sách đào tạo là hãy tìm ra bi pháp rút ngắn khoảng cách giữa cung và cầu. Hiện nay ở một số nước tiên tiến (ở Châu Âu Bắc Mỹ) cũng đang xây dựng các tổ chức mới để nghiên cứu vấn đề cung và cầu về công tác đ tạo giáo dục. Chẳng hạn đào tạo theo địa chỉ, đào tạo theo học trình, học phần, cấp tốc, tại chỗ.

Bộ Đại học đào tạo của nước ta đang áp dụng một phần kinh nghiệm của họ, song việc là

lang rất lúng túng và chưa đầy đủ.

Chúng ta có hiện tượng thả nổi kế hoạch đào tạo: Các trường mở ra rất nhiều loại hình lớp tạo: chính quy, chính quy mở rộng, mở rộng, tại chức, lớp ở trường, lớp ở địa phương, lớp rung dài ngày, lớp ngắn hạn, v.v... Trong khi đó chúng ta lại thả nổi luôn cả công tác quản lý, phối. Những số liệu điều tra ở trên chỉ mới tính đến các lớp chính quy và tập trung, còn các ở địa phương, ngắn hạn thì rơi vào đâu? Đó có phải là sản phẩm đã và đang chiếm lĩnh một vị quan trọng trong thị trường lao động?

2. Cho đến nay, Nhà nước ta còn chưa kịp đổi mới một số chính sách theo cơ chế thị trường. Thí dụ:

- Chính sách nghĩa vụ của những sinh viên sau khi học xong (nhất là với sinh viên được học bổng của Nhà nước) buộc phải phục vụ ở những nơi khó khăn mà nhân dân và Nhà nước cần đến ở miền rừng núi, hải đảo, biển khơi, biên cương...).

- Chính sách lương của chúng ta hiện nay chưa có sự khuyến khích thanh niên trí thức dám lao động ở những nơi hiểm nguy và khó khăn khổ cực. Có nên chăng ngoài lương chính, ai công tác ở hải đảo, rừng núi sẽ được một khoản trợ cấp thật cao, có khi gấp 5 đến 10 lần lương chính, càng ở lâu càng có trợ cấp cao. Đến khi trở về xuôi, thành phố thì cắt. Trả lương như vậy có tác động đến thanh niên vì lợi ích cá nhân và tổ quốc, họ dám hy sinh 10 đến 20 năm hoặc cả đời để có thu nhập cao nhằm có một số vốn của cải tích lũy dùng cho tuổi già. Với chính sách lương hiện nay thì chẳng ai muốn đi xa thành phố cả.

Về chủ quan, sinh viên và các bậc phụ huynh cũng chưa chuyển biến tư tưởng kịp với cơ chế mới:

1. Đa số họ chỉ thích làm việc ở thành phố, ở nơi thuận tiện mà không thấy trách nhiệm của mình đối với xã hội, đối với tổ quốc. Đây là tác động của cơ chế thị trường đến tâm lý cá nhân và nghĩa đã trở dậy, làm át đi truyền thống xưa kia. Đó là tác động của đồng tiền, của lợi ích vật chất của cơ chế thị trường khá mạnh mẽ đến mức người ta khái quát thành câu tục ngữ mới: Tiền lên là phật, là sức bật của tuổi già, là cái đà danh vọng....

2. Cơ chế thị trường tạo ra cạnh tranh và đòi thay đổi cách tuyển chọn người lao động, cán bộ. Trước đây tuyển chọn theo lý lịch, theo đạo đức của thời chiến. Ngày nay các cơ sở lại tuyển chọn người lao động theo tài năng là chủ yếu. Có cơ sở còn đề ra những chuẩn mực khá cụ thể: tài năng phải cao, khỏe, đẹp, còn tài năng cũng rất chi tiết như: cần biết ngoại ngữ, biết sử dụng máy vi tính, có tay nghề, biết xã giao..., trong khi đó rất nhiều sinh viên của chúng ta lại không đáp ứng nổi những điều nói trên nên không xin được việc làm.

3. Công tác hướng nghiệp của chúng ta đổi mới chưa kịp thời, chưa cụ thể. Vì vậy nhiều em học sinh và gia đình đã chọn ngành học không phù hợp với nhu cầu của xã hội và với thân phận của mỗi con người (sẽ nói rõ về thân phận của một con người trong một bài riêng, song đây cũng không phải là số phận). Thí dụ hiện nay ít ai hướng nghiệp: học để làm giàu bằng nghề kinh doanh, một xu hướng mới mà Đảng, Nhà nước ta đã nêu thành khẩu hiệu, thành mục tiêu: Tất cả dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh và công bằng.

Ngoài những nguyên nhân kể trên, chúng ta còn thấy nổi bật lên một vấn đề chưa có ai chú ý đến. Đó là cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác ở nước ta hiện nay như thế nào?

Chúng ta cần nghiên cứu những vấn đề đề xuất biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp nói chung, tình trạng sinh viên tốt nghiệp chưa có công ăn việc làm nói riêng càng mau càng tốt.

THE EFFECT OF MARKET MECHANISM TO THE EMPLOYMENT OF NEWLY GRADUATED STUDENTS

NGUYEN DINH XUAN

Faculty of Sociology, Hanoi University

Nowadays Vietnam has over 104 colleges and high normal schools where attract million youths to come and study while we still don't mention to a neatly number of million who s abroad. However, the mental labour seizes very low rate to countries on the world. Previc when the country didn't renovate, the graduated students met their demand after finishing sc ran to 100%. Since the country transfered from planned economy and administrative econ into market economy, many graduated students after finishing school weren't employed (giv job) and this number is more and more increasing, even though to rare students who return f foreign countries: This is a labour redundant phenomenon with specious brain effected by the of supply and demand this characterized the renovation in strong education branch but have synchronism and full, the state must have had educational propaganda on vocational work people young men and women and we need some policies which correspond with ma mechanism. Valued brain labour must be paid meritoriously, we had better stimulate i payment (salary) for new work, difficult work and for those who volunteer to work in ren areas such as sea-island, frontier, mountainous areas and countrysides,... good vocati education and correspondent material benefit stimulation will be a stimulant to young men students to strive to study hard (enthusiastic), ready for work, and it will stop many negative study and in student's life.